

CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TƯƠNG TÁC GIỮA CHA MẸ VỚI CON GIAI ĐOẠN 0 ĐẾN 6 TUỔI VÀ BÀN LUẬN VỀ HƯỚNG VẬN DỤNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thanh Hoa¹,
Đỗ Thị Thảo²⁺,
Phạm Bích Ngọc³

¹Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

²Khoa Giáo dục đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

³Công ty TNHH Giáo dục hòa nhập Tâm Thanh

+Tác giả liên hệ • Email: thaodt@hmu.edu.vn

Article history

Received: 16/6/2024

Accepted: 24/7/2024

Published: 20/9/2024

Keywords

Parent-child interaction,
parental responsiveness,
evaluation, observational
measures

ABSTRACT

In many social relationships, the interaction between parents and children plays a vital role. The family is the closest social environment for children, and parents are representatives of a social culture that regularly impacts children. Accordingly, identifying appropriate assessment methods and tools is meaningful in improving parent-child interaction skills. This article presents the results of synthesizing and analyzing interaction assessment tools between parents and children aged from 0 to 6 years old, which have been conducted by direct observation and developed since 2000. The literature review research method was used to extract studies from three databases: Google Scholar, ScienceDirect, and ProQuest. Based on the inclusion and exclusion criteria, 14 assessment tools were included in the analysis. The research results show that although they all evaluate parent-child interactions, the interactive behaviors identified in the tools are relatively diverse, and positive interactive behaviors tend to be selected rather than negative interactions. The research is the basis for experts to select, refer to, and design assessment tools to measure parents' interaction skills with their children in the Vietnamese family cultural context.

1. Mở đầu

Giai đoạn 0 đến 6 tuổi được xác định là “giai đoạn vàng” đối với việc đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Khoa học thần kinh đã khẳng định tính mềm dẻo của hệ thần kinh của trẻ trong giai đoạn tuổi này; sau khi trẻ ra đời, não bộ của trẻ tiếp tục phát triển và tái cấu trúc, sự phát triển này phụ thuộc rất lớn vào chất lượng những tương tác của trẻ với người xung quanh và trong giai đoạn đầu đời, những người có tương tác thường xuyên, liên tục nhất với trẻ chính là cha mẹ (Bernier et al., 2018). Theo Bowlby (1969), quan hệ tương tác giữa cha mẹ và con có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển toàn diện của trẻ. Chính bởi vậy, việc hiểu về tương tác giữa cha mẹ với trẻ, xác định được những phương pháp và công cụ đánh giá phù hợp sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với việc đề xuất nội dung và đánh giá hiệu quả các chương trình can thiệp tác động vào việc cải thiện kỹ năng tương tác của cha mẹ và con. Theo đó, bài báo tổng hợp và phân tích một số công cụ đánh giá tương tác giữa cha mẹ và con theo hình thức trực tiếp, trong độ tuổi từ 0 đến 6 và đưa ra các bàn luận đối với việc vận dụng trong bối cảnh Việt Nam, đặc biệt là trong giáo dục dành cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Tương tác cha mẹ và con cái là quá trình giao tiếp giữa hai bên, là hoạt động trao đổi qua lại giữa cha mẹ và con, có tác động tới cả hai đối tượng (Russo & Owens, 1982). Tương tác giữa cha mẹ và con có tác động sâu sắc lên sự phát triển của trẻ trong nhiều lĩnh vực khác nhau như phát triển thần kinh (Bernier et al., 2018), tình cảm xã hội (Van Huisstede et al., 2019), nhận thức (Clackson et al., 2019) hoặc phát triển ngôn ngữ (Prime et al., 2019). Các nghiên cứu đã chỉ ra các kỹ năng tương tác của cha mẹ có tác động tích cực lên sự phát triển ngôn ngữ, nhận thức và tình cảm - xã hội của trẻ em bao gồm: sự nhạy cảm với các tín hiệu của trẻ (bao gồm khả năng nhận biết, diễn giải và phản hồi với các tín hiệu tương tác) (Bowlby, 1958; Ainsworth, 1973; Barnard, 1976); nương theo các hoạt động của trẻ (không chỉ đạo hoặc gián đoạn thô bạo những điều trẻ đang thực hiện); mức độ dễ tiếp cận (sự có mặt về cả thể chất và tâm lý của cha mẹ), sự chấp nhận trẻ (chấp nhận nhịp độ, lựa chọn, cách thực hiện hoạt động, cảm xúc... của

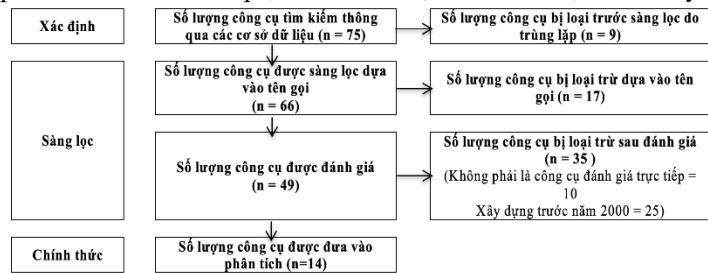
trẻ) (Ainsworth, 1973); tạo ra các tình huống thúc đẩy sự phát triển (khả năng khuyến khích, đưa ra các gợi ý, hướng dẫn); làm nhẹ các căng thẳng ở trẻ (Barnard, 1976).

Việc đánh giá tương tác giữa cha mẹ và con được khởi xướng bởi nhà tâm lý Ainsworth (1973) thông qua việc xây dựng Thang đánh giá người mẹ (Maternal Care Scales) với bốn tiêu chuẩn đo về 04 yếu tố chính trong hành vi làm cha mẹ bao gồm: (1) Sự nhạy cảm với các tín hiệu của trẻ; (2) Hợp tác hoặc can thiệp vào các hành động trẻ đang thực hiện; (3) Sự dễ tiếp cận (sự có mặt) cả về tâm lý lẫn thể chất với trẻ; (4) Chấp nhận hoặc từ chối các nhu cầu của trẻ. Cũng từ đây, nhiều công cụ đánh giá về tương tác giữa cha mẹ và con đã được xây dựng, cho độ tuổi từ sơ sinh tới thành thiếu niên.

Nhìn chung, có hai hướng thu thập thông tin chính để đánh giá về kỹ năng tương tác giữa cha mẹ với trẻ nhỏ, bao gồm *thu thập thông tin gián tiếp* qua khảo sát hoặc phỏng vấn phụ huynh và *thu thập thông tin trực tiếp* qua quan sát các tình huống tương tác thực tế giữa cha mẹ và trẻ. Các công cụ quan sát các tình huống tương tác thực tế cũng được chia thành hai nhóm, nhóm thứ nhất là các công cụ quan sát ghi chép sự kiện (moment by moment frequency coding) và các thang đo quan sát đánh giá theo mức độ (global rating scale). Mặc dù việc đánh giá tương tác giữa cha mẹ và con có thể được thực hiện qua các phương pháp thu thập thông tin gián tiếp - như sử dụng các phiếu khảo sát để cha mẹ tự đánh giá, phương pháp thu thập thông tin trực tiếp vẫn có những ưu thế vượt trội so với hình thức tự đánh giá. Lí do đầu tiên phải kể đến đó là do đặc tính của các tương tác giữa cha mẹ và con thường mang tính tự động và diễn ra trong từng khoảnh khắc nhỏ, điều này dẫn tới việc cha mẹ thường gặp khó khăn trong việc nhận biết các chi tiết đó, và từ đó gặp khó khăn khi tự báo cáo chúng. Trong khi đó, việc đánh giá thông qua quan sát trực tiếp cho phép người đánh giá chú ý vào từng chi tiết nhỏ trong quá trình tương tác, đồng thời quan sát được cả diễn biến của quá trình tương tác, nhờ vậy mà có được cái nhìn vừa tổng quát vừa cụ thể về xu hướng trong tương tác của từng cặp cha mẹ và con. Bên cạnh đó, kết quả từ các công cụ tự báo cáo thường mang tính chủ quan của người tự đánh giá, do xu hướng tự đánh giá cao hơn so với năng lực thực tế cũng như các sai sót xảy ra do người tự báo cáo hiểu nhầm hoặc suy luận thiếu chính xác các nhận định đặt ra trong bảng khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nhằm tìm hiểu về các công cụ trực tiếp được sử dụng để đánh giá kỹ năng tương tác giữa cha mẹ với con trong giai đoạn từ 0 đến 6 tuổi, trong bài báo này, chúng tôi chỉ lựa chọn các công cụ được xây dựng từ năm 2000 trở lại đây để đảm bảo tính cập nhật của thông tin; phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng để thu thập dữ liệu. Cơ sở dữ liệu quốc tế của nghiên cứu tổng quan là dữ liệu định dạng kỹ Thuật số được tìm kiếm tại Google Scholar, ScienceDirect và ProQuest với các thuật ngữ tiếng Anh như sau: “parent child interaction”, “parental behaviors”, “parental responsiveness”, “responsiveness”, “parent child relationship”, “assessment”, “instrument”, “inventory”, “scale”, “measure”. Tổng quan nghiên cứu được thực hiện theo quy trình Đánh giá hệ thống và phân tích tổng hợp PRISMA (Moher et al., 2009), số lượng công cụ ban đầu tìm kiếm thông qua cơ sở dữ liệu là 75 công cụ, các công cụ trải qua quá trình sàng lọc, đánh giá, cuối cùng chọn ra 14 công cụ phù hợp với tiêu chí lựa chọn để đưa vào tổng hợp định tính. Quy trình xác định, sàng lọc và lựa chọn các công cụ được minh họa trong hình 1.



Hình 1. Sơ đồ PRISMA thể hiện quy trình xác định công cụ đánh giá trong nghiên cứu (Nguồn: Tác giả)

2.3. Kết quả và bàn luận

2.3.1. Tổng hợp về các công cụ đánh giá tương tác giữa cha mẹ và con giai đoạn 0 đến 6 tuổi

Từ khi lí thuyết gắn bó của Bowlby (1958), các công cụ quan sát trực tiếp về tương tác giữa cha mẹ và trẻ đã được xây dựng cho nhiều nhóm tuổi khác nhau, từ sơ sinh tới thanh thiếu niên. Trong phạm vi nghiên cứu của bài báo này, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu về các công cụ quan sát trực tiếp được sử dụng phổ biến trong độ tuổi từ 0 đến 6 tuổi và được xây dựng từ năm 2000 trở lại đây, theo đó có 14 công cụ đánh giá trực tiếp phù hợp với các tiêu chí lựa chọn. Thông tin chi tiết về các công cụ đánh giá này được trình bày trong bảng 1 và 2 theo trình tự thời gian.

Bảng 1. Thông tin tác giả, tên, độ tuổi sử dụng và lĩnh vực đánh giá của 14 công cụ đánh giá

Tác giả (năm)	Tên	Tuổi	Lĩnh vực đánh giá
Pederson & Moran (1995)	Maternal Behavior Q-Sort MINI (MBQS-MINI)	0:10	25 tiêu mục nhằm đánh giá sự nhạy cảm của người chăm sóc

Fiori-Cowley và cộng sự (2000)	Global Rating Scales of Mother-Infant Interaction (GRS)	0:02-0:05	Tốt - Kém; Áp đặt; Các dấu hiệu căng thẳng
Greenspan và cộng sự (2001)	Functional Emotional Assessment Scale (FEAS)	0:07-4:00	<u>Cha mẹ</u> : Tự điều chỉnh; Gắn bó; Giao tiếp hai chiều; Tổ chức hành vi (chỉ dành cho nhóm tuổi 10-12 tháng); <u>Trẻ</u> : Tự điều chỉnh; Gắn bó; Giao tiếp hai chiều
Crittenden (2001)	Child-Adult Relationship Experimental Index (CARE-Index) The Toddler CARE-Index	1:04-6:00	<u>Cha mẹ</u> : Sự nhạy cảm; Sự kiểm soát; Không đáp ứng; <u>Trẻ</u> : Hợp tác; Khó khăn; Sự ép buộc; Sự thụ động
Hesse & Main (2006)	Frightened/Frightening (FR)	0:08 - 1:06	Trạng thái phân li; Các hành vi có tính đe dọa; Các hành vi nhút nhát và phục tùng; Các hành vi định hình giới tính; Các hành vi không định hướng
Comfort & Gordon (2006)	Keys to Interactive Parenting Scale (KIPS)	0:07-5:11	Đáp ứng nhạy cảm; Hỗ trợ cảm xúc; Tiếp xúc về thể chất (sự gần gũi); Tham gia vào hoạt động của trẻ; Cởi mở với ý định của trẻ; Kích thích ngôn ngữ; Điều chỉnh; Đưa ra giới hạn; Hướng dẫn; Khuyến khích; Thúc đẩy sự khám phá và tò mò
Biringen và cộng sự (2008)	Emotional Availability Scales (EAS)	0:00-14:00	<u>Cha mẹ</u> : Sự nhạy cảm; Cấu trúc; Không áp đặt; Không thù địch; <u>Trẻ</u> : Sự đáp ứng; Sự tham gia
Reed và cộng sự (2009)	Parent Skill Assessment (PSA)	1:00-4:00	Giao tiếp với trẻ; Giám sát trẻ; Hoạt động của cha mẹ và trẻ; Chăm sóc; Môi trường.
Out và cộng sự (2009)	Disconnected and Extremely Insensitive Parenting (DIP)	0:08-1:04	Các hành vi thể hiện sự không kết nối; Cực kỳ thiếu nhạy cảm (cha mẹ thu mình hoặc bỏ mặc trẻ); Áp đặt, gây hấn hoặc các hành vi tiêu cực khác
Barbara và cộng sự (2010)	Child - Caregiver Interaction Scale (CCIS)	0:00-5:00	Cảm xúc; Nhận thức/Thể chất; Xã hội
Jaekel và cộng sự (2015)	Assessment of Mother-Child Interaction with Etch-a-Sketch (AMCIES)		Kiểm soát bằng lời; Kiểm soát không lời; Phê bình
Oxford & Findlay (2012)	Nursing Child Assessment Teaching Scales (NCATS)	0:00-3:00	<u>Cha mẹ</u> : Nhạy cảm với các tín hiệu; Đáp ứng với sự căng thẳng của trẻ; Thúc đẩy sự phát triển cảm xúc-xã hội; Phát triển nhận thức; <u>Trẻ</u> : Làm rõ các tín hiệu; Đáp ứng với người chăm sóc
Roggman và cộng sự (2013)	Parenting Interactions with Children: Checklist of Observations Linked to Outcomes (PICCOLO)	0:04-5:00	Sự gần gũi; Sự đáp ứng; Sự khuyến khích; Dạy dỗ
Sylvestre và cộng sự (2021)	Coding Observations of Parent-Child Interactions (COPI)	3:00-5:00	Đáp ứng với trẻ; Kiểm soát; Hỗ trợ việc học tập; Sự gần gũi

Bảng 2. Đặc điểm về cách ghi điểm, hình thức, hoạt động và thời gian quan sát của 14 công cụ đánh giá

Tên công cụ	Cách ghi điểm (Đánh giá theo mức độ)	Hình thức quan sát	Hoạt động quan sát	Thời gian quan sát
Global Rating Scales of Mother-Infant Interaction (GRS)	1 đến 5	Ghi điểm qua video	Chơi tự do	Tối thiểu 3 video; mỗi video dài 5 phút
Functional Emotional Assessment Scale (FEAS)	1 đến 3	Ghi điểm qua video hoặc quan sát trực tiếp	Chơi với đồ chơi	Video 15 phút
Child-Adult Relationship Experimental Index (CARE-Index) The Toddler CARE-Index	1 đến 3	Ghi điểm qua video	Chơi tự do	Tối thiểu 2 video; mỗi video dài từ 3-5 phút
Frightened/Frightening (FR)	1 đến 9	Ghi điểm qua video	Chơi tự do	Video 15 phút
Keys to Interactive Parenting Scale (KIPS)	1 đến 5	Ghi điểm qua video	Chơi tự do 15 phút, dọn dẹp 5 phút	Video 20 phút
Emotional Availability Scales (EAS)	1 đến 7 hoặc 1 đến 5	Ghi điểm qua video	Các hoạt động sinh hoạt hằng ngày	Video 20-30 phút
Parent Skill Assessment (PSA)	Đánh giá theo 4 mức độ (không có; có ở mức độ ban	Quan sát trực tiếp	Các hoạt động sinh hoạt hằng ngày	

	đầu; đang luyện tập; thành thạo)			
Disconnected and Extremely Insensitive Parenting (DIP)	1 đến 9	Ghi điểm qua video	Chơi tự do, hoạt động tự do, làm bài tập	Video 45 phút
Maternal Behavior Q-Sort MINI (MBQS-MINI)	Đánh giá theo 4 mức điểm (1-2-8-9)	Ghi điểm qua video	Chơi tự do	Video 10 phút
Child - Caregiver Interaction Scale (CCIS)	1 đến 7	Quan sát trực tiếp	Các hoạt động sinh hoạt hằng ngày	
Assessment of Mother-Child Interaction with Etch-a-Sketch (AMCIES)		Quan sát trực tiếp	Vẽ	12 phút
Nursing Child Assessment Teaching Scales (NCATS)	Đánh giá 2 mức độ “có” hoặc “không”	Ghi điểm qua video hoặc quan sát trực tiếp	Dạy trẻ	Video 1-5 phút
Parenting Interactions with Children: Checklist of Observations Linked to Outcomes (PICCOLO)	Đánh giá 3 mức độ (không; thỉnh thoảng; luôn luôn)	Ghi điểm qua video	Chơi tự do	Video 10 phút
Coding Observations of Parent-Child Interactions (COPI)	Đánh giá theo 4 mức độ (không bao giờ; thỉnh thoảng; thường xuyên; luôn luôn)	Ghi điểm qua video	Chơi tự do	Video 15 phút

Quá trình tổng hợp và phân tích thông tin về các công cụ đánh giá tương tác giữa cha mẹ và con giai đoạn 0 đến 6 tuổi cho thấy những điểm quan trọng sau đây:

- *Nội dung*: có 4/14 (chiếm 29%) công cụ quan sát đánh giá cả kỹ năng tương tác của cha mẹ và kỹ năng của trẻ (FEAS (Greenspan et al., 2001); CARE-Index (Crittenden, 2001); EAS (Biringen et al., 2008); NCATS (Oxford & Findlay, 2012)). Những công cụ đánh giá kỹ năng tương tác từ cả hai phía là do các công cụ này được xây dựng dựa trên hướng tiếp cận cho rằng quá trình tương tác là quá trình trao đổi qua lại giữa hai bên, và do vậy chịu ảnh hưởng của kỹ năng của cả hai phía. Trong khi đó 8/14 (chiếm 71%) các công cụ còn lại chủ yếu tập trung vào việc đánh giá kỹ năng tương tác của cha mẹ với trẻ, do vậy chỉ bao gồm các kỹ năng của cha mẹ. Khi đưa ra các hành vi tương tác, các công cụ thường chọn một trong hai hướng tiếp cận, hướng thứ nhất là chọn các hành vi tương tác theo hướng tích cực - là những hành vi tương tác thúc đẩy sự phát triển của trẻ, ngược lại là các hành vi tương tác tiêu cực - là những hành vi tương tác tác động xấu đến sự phát triển của trẻ. Trong 14 công cụ đánh giá được đưa vào tổng quan, chỉ có 4 công cụ chọn các hành vi tương tác tiêu cực làm tiêu chí để đánh giá (GRS (Fiori-Cowley et al., 2000); FR (Hesse & Main, 2006); DIP (Out et al., 2009); AMCIES (Jaekel et al., 2015)). 8 công cụ còn lại đều chọn các hành vi tương tác tích cực hoặc pha trộn cả hai loại hành vi trong tiêu chí đánh giá.

- *Hình thức quan sát để ghi điểm*: hình thức sử dụng video để ghi điểm là hình thức chiếm ưu thế nhất với 9/14 công cụ (chiếm 65%) (GRS (Fiori-Cowley et al., 2000); CARE-Index (Crittenden, 2001); FR (Hesse & Main, 2006); KIPS (Comfort & Gordon, 2006); EAS (Biringen et al., 2008); DIP (Out et al., 2009); MBQS-MINI (Pederson & Moran, 1995); PICCOLO (Roggman et al., 2013); COPI (Sylvestre et al., 2021)). Có 3/14 (chiếm 21%) công cụ sử dụng hình thức ghi điểm trực tiếp trong quá trình quan sát (PSA (Reed et al., 2009); AMCIES (Jaekel et al., 2015)). Có 2/14 công cụ (chiếm 14%) sử dụng cả hai hình thức vừa nêu (FEAS (Greenspan et al., 2001); NCATS (Oxford & Findlay, 2012)). Việc nhà nghiên cứu có thể quay video và đánh giá dựa trên video sẽ giúp quá trình đánh giá được chính xác hơn do người đánh giá có thể xem lại các biểu hiện trong quá trình tương tác giữa cha mẹ với trẻ, và không bị bỏ sót so với việc đánh giá ngay trong quá trình quan sát. Việc đánh giá bằng cách sử dụng video cũng giúp quá trình đánh giá trở nên tập trung hơn do chỉ yêu cầu người đánh giá xem lại các video có độ dài từ 10 đến 20 phút, so với việc quan sát trực tiếp từ 45 đến 90 phút. Bên cạnh đó, việc sử dụng đánh giá bằng video cũng có lợi trong trường hợp nhà nghiên cứu muốn đảm bảo kết quả đánh giá là khách quan bằng việc xem xét tới chỉ số đồng thuận giữa hai người đánh giá (inter-raters agreement).

- *Hoạt động quan sát*: các tình huống được tổ chức để đánh giá kỹ năng tương tác của cha mẹ với con cái thường bao gồm: hoạt động chơi tự do khi cha mẹ và trẻ được đề nghị chơi theo cách họ vẫn thực hiện hằng ngày, bằng cách sử dụng các đồ dùng có sẵn tại gia đình; hoạt động chơi được sắp đặt trong đó người đánh giá đề nghị cha mẹ chơi với trẻ một số trò chơi đã được chuẩn bị trước; hoạt động dạy dỗ khi cha mẹ được đề nghị hướng dẫn trẻ thực hiện một kỹ năng nào đó; hoặc hoạt động chăm sóc (thường chỉ dành cho nhóm trẻ nhỏ, đặc biệt là trẻ dưới 2 tuổi); một số công cụ còn tạo ra các tình huống nhằm mục đích quan sát một số kỹ năng tương tác đặc thù, như tình huống làm bài tập (DIP (Out et al., 2009)) hay tình huống dọn dẹp sau khi chơi (KIPS (Comfort & Gordon, 2006)). Trong các hoạt động đã nêu, hoạt động chơi tự do là hoạt động được nhiều công cụ sử dụng nhất, với 8/14 công cụ (chiếm 57%).

- *Cách ghi điểm*: tất cả các công cụ trong danh sách đều sử dụng thang đánh giá mức độ để đánh giá về kỹ năng của cha mẹ, từ ít nhất với hai mức độ là “có” “không” (NCATS (Oxford & Findlay, 2012)) cho đến 7 mức độ (CCIS (Barbara, 2010)) hoặc 9 mức độ (FR (Hesse & Main, 2006)). Trong các công cụ đánh giá, thang đánh giá phổ biến nhất được sử dụng là 3, 4 và 5 mức độ, đây cũng là những mức độ thang Likert được sử dụng trong hầu hết các công cụ đánh giá hiện nay.

- *Thời gian quan sát*: tất cả các công cụ quan sát đều đòi hỏi thời gian quan sát tối thiểu là 10 phút trở lên, đây được xem là khoảng thời gian tối thiểu để việc thu thập thông tin từ quan sát có độ tin cậy đảm bảo (GRS (Fiori-Cowley et al., 2000); CARE-Index (Crittenden, 2001)).

- *Điều kiện sử dụng*: ngoài ra, mặc dù không được trình bày trong bảng thống kê, các công cụ đã liệt kê hầu hết đều là các công cụ có bản quyền, việc sử dụng các công cụ này ngoài việc mua các tài liệu liên quan thì người đánh giá còn cần phải có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của đơn vị giữ bản quyền công cụ đánh giá cũng như cần trải qua các khoá đào tạo có thu phí. Điều này phần nào hạn chế mức độ tiếp cận của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam với các công cụ này.

2.3.2. Bàn luận

Trong bối cảnh vai trò, vị trí của Giáo dục đặc biệt ở Việt Nam đang ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm, các chương trình đào tạo cha mẹ trẻ khuyết tật được sử dụng ngày một rộng rãi, việc xác định và sử dụng các công cụ để đánh giá hiệu quả của chúng càng trở nên cần thiết. Trong các yếu tố thể hiện chất lượng của một chương trình đào tạo cha mẹ, thì sự cải thiện các kỹ năng tương tác của cha mẹ với trẻ chính là một yếu tố trọng yếu. Do vậy, việc tìm hiểu về các công cụ đánh giá kỹ năng tương tác của cha mẹ và trẻ đã có trên thế giới là điều hết sức có ý nghĩa. Mặc dù tổng quan này đã tổng hợp và phân tích những thông tin khái quát liên quan tới các công cụ phổ biến để đánh giá tương tác giữa cha mẹ và trẻ trong độ tuổi từ 0 đến 6, việc nhà chuyên môn lựa chọn và sử dụng một công cụ nào đó vẫn cần sự đầu tư đáng kể về thời gian và công sức để nghiên cứu cụ thể về công cụ đó. Chúng ta cũng biết rằng không có một công cụ đánh giá đơn lẻ nào có thể đánh giá một cách đầy đủ mọi hành vi tương tác của cha mẹ với trẻ, nhà nghiên cứu chỉ có thể chọn được một hay một số công cụ phù hợp nhất với mục tiêu nghiên cứu cụ thể của bản thân. Ngoài ra, cũng cần lưu ý là những người có nhu cầu sử dụng các công cụ đánh giá trong tổng quan này cần tham gia các hoạt động đào tạo theo yêu cầu, có thể đơn giản như thông qua việc đọc tài liệu hướng dẫn thực hiện công cụ hoặc phức tạp hơn như tham dự các chương trình đào tạo.

Bên cạnh đó, có thể thấy rằng, các công cụ được đề cập trong nghiên cứu này chủ yếu được sử dụng trên cha mẹ của trẻ phát triển điển hình, cần có các nghiên cứu để xem xét tính phù hợp của các công cụ đó trên đối tượng cha mẹ trẻ khuyết tật. Cuối cùng, các nhà chuyên môn tại Việt Nam có thể vận dụng cấu trúc, cách thức tiến hành, phương pháp ghi điểm... đã được các nhà nghiên cứu đi trước sử dụng để thiết kế các công cụ đánh giá đo lường kỹ năng tương tác của cha mẹ với con trong bối cảnh văn hóa gia đình Việt Nam. Nền văn hóa sẽ có những tác động sâu sắc trong việc định hình nên những thói quen, phong cách hay kỹ năng tương tác của cha mẹ với con ở mỗi vùng miền hay quốc gia nào đó, bởi vậy các công cụ đánh giá cần tính đến tới những đặc trưng riêng biệt này để có được độ tin cậy và giá trị cao nhất.

3. Kết luận

Quá trình tổng hợp và phân tích 14 công cụ đánh giá trực tiếp kỹ năng tương tác giữa cha mẹ và con cho thấy tính đa dạng trong nội dung và cấu trúc của các công cụ đánh giá, đồng thời cũng chỉ ra những điểm tương đồng của các công cụ này. Các công cụ đánh giá qua quan sát trực tiếp đòi hỏi người đánh giá phải quan sát tương tác giữa cha mẹ và con trong môi trường tự nhiên với các hoạt động gắn gũi với họ như hoạt động chơi tự do hoặc sinh hoạt hằng ngày. Để đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu, thời gian quan sát được đề xuất tối thiểu là 10 phút. Việc ghi hình lại hoạt động tương tác cũng được khuyến khích thực hiện, việc này có thể giúp người đánh giá dễ dàng xem lại hoạt động tương tác nếu họ cho rằng họ đã bỏ lỡ thông tin gì đó khi ghi điểm, đồng thời giúp cho việc ghi nhận độ tin cậy giữa những đánh giá viên được thực hiện dễ dàng hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế. Đầu tiên, mặc dù dữ liệu được trích xuất từ ba cơ sở dữ liệu được sử dụng khá phổ biến trong nghiên cứu tổng quan, tác giả nghiên cứu không thể chắc chắn rằng đã tìm kiếm được tất cả các công cụ đánh giá theo tiêu chí lựa chọn ở các cơ sở dữ liệu khác. Các nghiên cứu tiếp theo về định hướng này có thể co hẹp tiêu chí lựa chọn đồng thời mở rộng hệ thống cơ sở dữ liệu để có được các thông tin sâu sắc hơn nữa về chủ đề nghiên cứu. Bên cạnh đó, các phân tích trong nghiên cứu này vẫn chủ yếu là các phân tích mang tính định tính, chưa đi sâu vào các phân tích định lượng và đặc biệt là chưa đánh giá được độ tin cậy và độ giá trị của các công cụ được lựa chọn, điều này có thể vẫn còn khiến cho những người có nhu cầu lựa chọn công cụ đánh giá chưa đủ thông tin để lựa chọn.

Tài liệu tham khảo

- Ainsworth, M. D. S. (1973). The development of infant-mother attachment. In B. Cardwell & H. Ricciuti (Eds.), *Review of child development research* (Vol. 3, pp. 1-94). Chicago: University of Chicago Press.
- Barnard, K. E. (1976). The Barnard model. In G. Summer & A. Spietz (Eds.), *NCAST caregiver/parent-child interaction feeding manual* (pp. 8-14). Seattle: NCAST Publication, University of Washington School of Nursing.
- Bernier, A., Dégeilh, F., Leblanc, É., Daneault, V., Bailey, H. N., & Beauchamp, M. H. (2019). Mother-infant interaction and child brain morphology: A multidimensional approach to maternal sensitivity. *Infancy*, 24(2), 120-138.
- Biringen, Z., Moorlag, A., Meyer, B., Wood, J., Aberle, J., Altenhofen, S., & Bennett, S. (2008). The emotional availability (EA) intervention with child care professionals. *Journal of Early Childhood and Infant Psychology*, 4, 39-52.
- Bowlby, J. (1969). *Attachment and Loss*. New York: Basic Books.
- Bowlby, J. (1958). The Nature of the Child's Tie to his Mother. *International Journal of Psychoanalysis*, 39, 350-371.
- Carl, B. (2007). *Child caregiver interaction scale*. Indiana University of Pennsylvania.
- Clackson, K., Wass, S., Georgieva, S., Brightman, L., Nutbrown, R., Almond, H., Bieluczyk, J., Carro, G., Dames, B. R., & Leong, V. (2019). Do Helpful Mothers help? Effects of maternal scaffolding and infant engagement on cognitive performance. *Frontiers in Psychology*, 10. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2019.02661>
- Comfort, M., & Gordon, P. R. (2006). The Keys to Interactive Parenting Scale (KIPS): a practical observational assessment of parenting behavior. *NHSA Dialog*, 9(1), 22-48. https://doi.org/10.1207/s19309325nhsa0901_4
- Crittenden, P. M. (2001). *CARE-Index Infants Coding Manual*. Family Relations Institute, Miami, FL.
- Fiori-Cowley, A., Murray, L., & Gunning, M. (2000). Global ratings of Mother-Infant interaction at two and four months. In *Winnicott Research Unit*. United Kingdom: University of Reading Reading.
- Greenspan, S. I., DeGangi, G., & Wieder, S. (2001). *The Functional Emotional Assessment Scale (FEAS): For infancy & early childhood*. Interdisciplinary Council on Development & Learning Disorders.
- Hesse, E., & Main, M. (2006). Frightened, threatening, and dissociative parental behavior in low-risk samples: Description, discussion, and interpretations. *Development and Psychopathology*, 18(2), 309-343.
- Jaekel, J., Pluess, M., Belsky, J., & Wolke, D. (2015). Effects of maternal sensitivity on low birth weight children's academic achievement: a test of differential susceptibility versus diathesis stress. *Journal of Child Psychology and Psychiatry and Allied Disciplines*, 56(6), 693-701. <https://doi.org/10.1111/jcpp.12331>
- Moher, D., Liberati, A., Tetzlaff, J., & Altman, D. G. (2009). Preferred reporting items for systematic reviews and meta-analyses: the PRISMA statement. *BMJ. British Medical Journal*, 339(1).
- Out, D., Bakermans-Kranenburg, M. J., & Van IJzendoorn, M. H. (2009). The role of disconnected and extremely insensitive parenting in the development of disorganized attachment: validation of a new measure. *Attachment & Human Development*, 11(5), 419-443. <https://doi.org/10.1080/14616730903132289>
- Oxford, M. L., & Findlay, D. M. (2012). *NCAST Caregiver/Parent-Child Interaction Teaching Manual*. NCAST Publication.
- Pederson, D. R., & Moran, G. (1995). Appendix B. Maternal Behavior Q-set. In Waters E, Vaughn BE, Posada G, & Kondo-Ikemura K (Eds.), *Caregiving, cultural, and cognitive perspectives on secure-base behavior and working models: New Growing Points of Attachment Theory and Research. Monographs of the Society for Research in Child Development*, 60, 247-254.
- Prime, H., Wade, M., & Gonzalez, A. (2020). The link between maternal and child verbal abilities: An indirect effect through maternal responsiveness. *Developmental Science*, 23(3). <https://doi.org/10.1111/desc.12907>
- Reed, C. S., Van Egeren, L. A., & McKelvey, L. (2009). *Psychometric Study of The Parenting Skills Assessment*. Michigan State University.
- Roggman, L. A., Cook, G. A., Innocenti, M. S., Norman, V. J., & Christiansen, K. (2013). Parenting Interactions with Children: Checklist of Observations Linked to Outcomes (PICCOLO) in Diverse Ethnic Groups. *Infant Mental Health Journal*, 34(4), 290-306. <https://doi.org/10.1002/imhj.21389>
- Russo, J. A. B., & Owens Jr, R. E. (1982). The development of an objective observation tool for parent-child interaction. *Journal of Speech and Hearing Disorders*, 47(2), 165-173. <https://doi.org/10.1044/jshd.4702.165>
- Sylvestre, A., Brassart, E., Leblond, J., & Di Sante, M. (2021). Introducing the coding observations of parent-child interactions (COPI): An observational measure of the parental behaviours that matter for language development. *Canadian Journal of Speech-Language Pathology and Audiology (CJSLPA)*, 1913-2020.
- Van Huisstede, L., Winstone, L. K., Ross, E. K., & Crnic, K. A. (2019). Developmental trajectories of maternal sensitivity across the first year of life: Relations among emotion competence and dyadic reciprocity. *Parenting*, 19(3), 217-243.